TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2021
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1993; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đình Tr, sinh năm 1987; HKTT: Số 5/36/5 Cây Cám, phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, đơn xin giải quyết vắng mặt và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn (bà Phạm Thị H) trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Vũ Đình Tr tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/7/2010 tại Uỷ ban nhân dân

phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, không ai quan tâm chăm sóc đến ai làm cho đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã nhiều khuyên bảo, hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông Tr có 01 con chung tên Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 09/10/2010. Hiện nay con chung đang sống chung với bà H tại ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương. Nếu được ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà H đang làm công việc công nhân với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng đủ để chăm sóc nuôi dưỡng con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông Vũ Đình Tr)

Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập để ông Trường thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không có mặt trong tất cả các buổi làm việc, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình xác minh, bị đơn ông Tr có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương và ông Tr thỉnh thoảng có về địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 12/4/2021, bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Vũ Đình Tr nên đây là vụ án*"ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà H khởi kiện ông Tr về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Tr hiện đang cư trú tại ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Tr theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01/2010 ngày 05/7/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Vũ Đình Tr là hợp pháp.

[2.2] Bà H trình bày sau khi đăng ký kết hôn năm 2010, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, không ai quan tâm chăm sóc đến ai làm đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã nhiều khuyên bảo, hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Vì vậy, bà H làm đơn ly hôn với ông Tr. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông Tr không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Tại các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 27/5/2021 và ngày 02/6/2021 của Tòa án xác định bà H và ông Tr không còn chung sống với nhau, nguyên nhân do ông Tr hay bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, rất ít khi ông Tr về nhà để chăm sóc vợ con dẫn đến bà H bất mãn. Hơn nữa,

trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông Tr tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Tr vắng mặt. Điều này cho thấy bà H và ông Tr không còn quan tâm chăm sóc nhau và ông Tr không mong muốn hàn gắn với bà H. Do đó mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông Tr đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.3] Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 09/10/2010. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện tại, bà H làm công nhân có mức thu nhập ổn định. Cháu Y là con gái và đang sống với bà H nên cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Việc giao cháu cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y. Mặt khác, ông Tr cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi dưỡng con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu ông Vũ Đình Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Vũ Đình Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Vũ Đình Tr.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 09/10/2010 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự

nguyện của bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Vũ Đình Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị H và ông Vũ Đình Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045881 ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND phường T, quận Y, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo